

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN

XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-37



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/07/2014.

Trụ sở của Công ty tại: Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Tuấn Khải	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/07/2014
Ông Phạm Minh Sơn	Ủy viên	
Ông Nhữ Đình Hòa	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2014
Ông Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 17/05/2014
Bà Phan Thu Anh	Ủy viên	



Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Tuấn Khải	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/07/2014
Bà Phan Thu Anh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Thái Hà	Trưởng ban	
Ông Lê Công Thuận	Thành viên	
Bà Đặng Sơn Nguyệt Thảo	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 18/12/2014
Ông Nguyễn Hải Vinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/12/2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Phạm Minh Sơn
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 19 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2013-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		868.415.202.540	645.521.920.078
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.326.213.955	64.314.277.690
111	1. Tiền		21.526.496.022	63.295.213.059
112	2. Các khoản tương đương tiền		799.717.933	1.019.064.631
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	9.937.959.600	8.558.267.879
121	1. Đầu tư ngắn hạn		14.172.998.743	14.369.559.743
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(4.235.039.143)	(5.811.291.864)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		729.717.456.915	507.240.092.920
131	1. Phải thu của khách hàng		134.960.230.620	148.009.800.464
132	2. Trả trước cho người bán		301.065.810.984	354.592.879.270
135	5. Các khoản phải thu khác	5	314.793.376.637	29.703.227.008
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(21.101.961.326)	(25.065.813.822)
140	IV. Hàng tồn kho	6	88.568.957.096	38.430.703.599
141	1. Hàng tồn kho		88.568.957.096	38.430.703.599
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.864.614.974	26.978.577.990
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	124.763.789
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		11.191.582.961	20.558.660.255
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	498.443.954	474.452.878
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	6.174.588.059	5.820.701.068
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		326.563.017.850	327.277.629.276
220	II. Tài sản cố định		89.174.576.451	89.063.120.414
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	16.623.988.455	18.696.432.664
222	- Nguyên giá		31.842.871.654	32.941.638.198
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.218.883.199)	(14.245.205.534)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	3.151.800.000	3.151.800.000
228	- Nguyên giá		3.151.800.000	3.151.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	69.398.787.996	67.214.887.750
240	III. Bất động sản đầu tư	12	44.384.025.481	46.185.420.800
241	- Nguyên giá		63.993.967.962	63.993.967.962
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.609.942.481)	(17.808.547.162)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	192.697.518.670	191.876.118.337
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		29.468.895.429	30.668.895.429
258	3. Đầu tư dài hạn khác		164.180.849.141	164.077.449.141
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(952.225.900)	(2.870.226.233)
260	V. Tài sản dài hạn khác		306.897.248	152.969.725
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		306.897.248	152.969.725
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.194.978.220.390	972.799.549.354



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		881.683.356.054	656.501.306.315
310	I. Nợ ngắn hạn		821.700.265.145	605.107.306.315
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	739.282.008.635	524.770.268.018
312	2. Phải trả người bán		16.816.206.290	15.006.359.621
313	3. Người mua trả tiền trước		50.006.862.550	55.902.154.666
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	355.786.284	411.307.489
315	5. Phải trả người lao động		2.406.215.244	1.767.239.227
316	6. Chi phí phải trả		2.941.479	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	12.327.570.597	6.124.059.436
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		502.674.066	1.125.917.858
330	II. Nợ dài hạn		59.983.090.909	51.394.000.000
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	20.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	17	55.000.000.000	51.300.000.000
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		4.983.090.909	74.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		313.294.864.336	316.298.243.039
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	313.294.864.336	316.298.243.039
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		125.948.570.000	125.948.570.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.147.588.054
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.262.420.104	7.262.420.104
414	4. Cổ phiếu quỹ		(981.900)	(981.900)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		133.260.491.891	133.260.491.891
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		25.289.164.326	25.289.164.326
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.387.611.861	7.390.990.564
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.194.978.220.390	972.799.549.354

TY
HỮU
HẠN
KIỂM
TOÁN
ASC

M.S.D.N - C
H
O. H.C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	290.719,45	782.867,45
- Đồng Euro (EUR)	24.803,10	26.847,86
- Đồng Yên nhật (JPY)	59.466,00	550.918,00



Đinh Duy Kỳ Vũ
Người lập

Lê Xuân Chất
Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2015



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014		Năm 2013	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.490.201.156.080	1.786.580.508.970		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.490.201.156.080	1.786.580.508.970		
11	4. Giá vốn hàng bán	20	1.432.725.815.588	1.719.605.429.301		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		57.475.340.492	66.975.079.669		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33.510.185.662	45.428.267.720		
22	7. Chi phí tài chính	22	52.721.701.551	60.877.284.839		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		43.178.545.837	43.655.960.895		
24	8. Chi phí bán hàng	23	22.205.104.878	30.498.399.019		
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	12.717.754.270	16.892.351.077		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.340.965.455	4.135.312.454		
31	11. Thu nhập khác	25	1.108.310.486	5.149.102.721		
32	12. Chi phí khác	26	326.094.335	1.406.266.640		
40	13. Lợi nhuận khác		782.216.151	3.742.836.081		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.123.181.606	7.878.148.535		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	(13.479.039)		
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	511.752.570		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.123.181.606</u>	<u>7.379.875.004</u>		
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	262	541		



Đinh Duy Kỳ Vũ
Người lập

Lê Xuân Chất
Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Năm 2014
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.564.820.905.988	1.967.791.568.694
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.508.933.186.495)	(1.980.708.661.528)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(24.149.476.407)	(25.659.296.586)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(43.178.545.837)	(43.742.903.387)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(43.152.917)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		156.630.337.234	78.363.006.571
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(418.515.390.455)	(66.872.019.990)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(273.325.355.972)	(70.871.459.143)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.090.265.286)	(26.065.309.622)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		266.070.803	551.005.380
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.377.533.983	29.877.346.253
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		15.553.339.500	4.363.042.011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.884.092.988.631	1.844.443.142.307
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.668.268.742.999)	(1.801.727.644.512)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.742.635)	(14.462.710.782)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		215.810.502.997	28.252.787.013
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(41.961.513.475)	(38.255.630.119)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		64.314.277.690	102.568.408.772
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(26.550.260)	1.499.037
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		22.326.213.955	64.314.277.690

Đinh Duy Kỳ Vũ
 Người lập

Lê Xuân Chất
 Kế toán trưởng



Phạm Minh Sơn
 Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/07/2014.

Trụ sở của Công ty tại: Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 125.948.570.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 125.948.570.000 đồng; tương đương 12.594.857 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng	Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng	Dịch vụ xuất nhập khẩu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Đà Nẵng	Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Cho thuê bất động sản
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 4, TP Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng	Quận Hải An, TP Hải Phòng	Gia công hàng may mặc
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp chế biến nông lâm sản hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu	H. Thường Tín, Tp Hà Nội	Cho thuê kho bãi
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam	Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thú hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê....;

Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;

Kinh doanh các sản phẩm dệt may;

Kinh doanh trang thiết bị y tế, dụng cụ dùng trong ngành y - dược;

Kinh doanh thiết bị văn phòng, tạp phẩm, mỹ phẩm, điện máy, điện lạnh;

Kinh doanh đồ điện tử, tin học, phụ tùng và thiết bị viễn thông (máy tổng đài và điện thoại các loại), camera;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ chơi (trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội);

Sản xuất, gia công, lắp ráp các mặt hàng đồ gỗ;

Sản xuất xe máy;

Sản xuất đồ điện tử, đồ điện lạnh, đồ gia dụng;

Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng;

Dịch vụ vận chuyển hành khách;

Vận tải hàng hóa

Dịch vụ chuyển khẩu, quá cảnh;

Dịch vụ khai thuê hải quan, giao nhận hàng hóa;

Kinh doanh máy móc thiết bị, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất, khoáng sản, hàng công nghiệp, hàng gia công chế biến trong nước và nhập khẩu, phân bón, hóa chất tẩy rửa, cây giống phục vụ nông nghiệp và hàng thủ công mỹ nghệ;

Kinh doanh vật liệu xây dựng;

Kinh doanh phương tiện vận tải, nâng xếp, bốc dỡ hàng hóa;

Hoạt động dịch vụ chăn nuôi: Kinh doanh thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy hải sản, gia súc, gia cầm; kinh doanh giống phục vụ nuôi trồng thủy hải sản;

Sản xuất, gia công các mặt hàng dệt may;

Sản xuất, chế biến, nông, lâm, thủy hải sản;

Bán buôn hóa chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu sôđa, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;

Bán buôn các chất phụ gia dùng trong công nghiệp chế biến thực phẩm, thực phẩm chức năng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên và Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên Công ty không thực hiện trích khấu hao.

2.9 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25	năm
--------------------------	---------	-----

2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.



Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng; nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng, trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán năm.

2.16 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia lợi nhuận cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

CHỖ
HỮU
CHỮ
KÝ
AS
KIỂM

2.19 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2011 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa). Theo đó, TH1 cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa tại Đoạn Xá, Hải Phòng (bao gồm cả các yêu cầu của Đại lý, nhà phân phối, bán buôn, nhà thầu hay đối tác khác có liên quan thông qua đơn hàng của Kowa) và không được chấp nhận bất cứ đơn đặt hàng từ bất kỳ bên nào khác hay không được cung cấp dịch vụ cho bên khác hoặc thỏa thuận khác với bên thứ 3 sử dụng nhà máy, nhân lực và các tài sản liên quan đến Hợp đồng này. Hai bên cùng hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc và sản phẩm để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực nhà máy đáp ứng các mục tiêu sản xuất. Lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh được phân bổ đều (50/50) cho các bên và được trả trong vòng 60 ngày sau kỳ kết thúc trước đó. TH1 phải đảm bảo rằng, toàn bộ nhà máy, máy móc thiết bị đều trong tình trạng hoạt động tốt và thuộc sở hữu của TH1, đồng thời phải duy trì tối thiểu 180 công nhân làm việc trong nhà máy.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17/TH1-XD/HĐHTKD ngày 28/04/2011 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (TH1) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xăng dầu Việt Nam (gọi tắt là Công ty XDVN) để cùng nhau hợp tác đầu tư và khai thác các loại khoáng sản (quặng, thiếc hoặc các loại quặng khác nếu có) thuộc địa phận Tỉnh Nghệ An. TH1 đồng ý đầu tư 100% vốn để Công ty XDVN thực hiện toàn bộ quá trình mua sắm trang thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, điện nước và các chi phí quản lý liên quan khác cho đến khi ra sản phẩm. Ngay khi có sản phẩm, TH1 được quyền định đoạt bán hàng cho đến khi thu hồi đủ các khoản đầu tư ban đầu. Công ty XDVN chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ thủ tục về pháp lý, các nghĩa vụ về thuế. Toàn bộ chi phí liên quan đến các điểm mỏ đã được cấp phép do Công ty XDVN bỏ ra trước khi ký hợp đồng sẽ được chấp nhận là khoản đầu tư dài hạn của Công ty XDVN để thực hiện hợp đồng này. Sau khi hoàn vốn, TH1 được quyền quyết định tỷ lệ góp vốn trong phạm vi từ 20%-50% và hưởng lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	447.059.953	201.527.151
Tiền gửi ngân hàng	21.079.436.069	63.093.685.908
Các khoản tương đương tiền	799.717.933	1.019.064.631
	22.326.213.955	64.314.277.690

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	14.172.998.743	14.369.559.743
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.235.039.143)	(5.811.291.864)
	9.937.959.600	8.558.267.879

Các khoản đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
- Cổ phiếu Công ty Xi măng Bút Sơn	21	348.600	21	348.600
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch	241.000	3.077.040.000	241.000	3.077.040.000
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	1.725.000	11.095.610.143	1.725.000	11.095.610.143
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	-	-	6.527	196.561.000
		14.172.998.743		14.369.559.743

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị thị trường	Giá trị dự phòng VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
- Cổ phiếu Công ty Xi măng Bút Sơn	21	348.600	159.600	(189.000)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch	241.000	3.077.040.000	795.300.000	(2.281.740.000)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	1.725.000	11.095.610.143	9.142.500.000	(1.953.110.143)
		14.172.998.743	9.937.959.600	(4.235.039.143)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về người lao động	-	910.661.079
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.070.847	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	18.233.365.538	18.123.365.538
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	3.117.987.152	-
Phải thu Công ty TNHH Quang Trung(1)	3.900.116.940	3.900.116.940
Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh(2)	6.766.751.269	6.766.751.269
Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh(3)	282.001.100.000	-
Phải thu khác	772.984.891	2.332.182
	<u>314.793.376.637</u>	<u>29.703.227.008</u>

(1): Khoản tiền phải thu của lô hàng thép cuộn cán nóng các loại có khối lượng là 298,65 tấn đã bị Công ty TNHH Quang Trung làm thất thoát. Theo biên bản làm việc của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hà Nội ngày 25/06/2013, Công ty TNHH Quang Trung có trách nhiệm phải bồi thường cho Công ty CP Tổng hợp I giá trị của lô hàng thép cuộn trên.

(2): Khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17TH1-XD/HĐHTKD giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xăng dầu Việt Nam (gọi tắt là XDVN) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I (gọi tắt là TH1) để hợp tác đầu tư và khai thác các loại khoáng sản thuộc địa phận Tỉnh Nghệ An. Theo đó, TH1 đầu tư vốn cho Công ty XDVN thực hiện trang thiết bị, tài sản, quản lý vận hành khai thác mỏ. Ngay sau khi ra sản phẩm, TH1 được quyền quyết định bán sản phẩm cho đến khi hoàn trả hết các khoản đầu tư. Sau khi hoàn vốn trên cơ sở chi phí thực tế, TH1 được quyền quyết định tỷ lệ góp vốn trong phạm vi từ 20% - 50%.

(3): Khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - Việt Nam (gọi tắt là TH1) về việc hợp tác đầu tư ngắn hạn có thời hạn 6 tháng kể từ ngày 15/09/2014 đảm bảo nguyên tắc lãi suất không thấp hơn lãi suất huy động vốn của TH1 và tính theo thời gian sử dụng vốn của mỗi đợt hợp tác đầu tư.

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	3.225.951.608
Nguyên liệu, vật liệu	86.691.128	322.588.487
Công cụ, dụng cụ	1.325.000	14.075.000
Hàng hoá	88.480.940.968	34.868.088.504
	<u>88.568.957.096</u>	<u>38.430.703.599</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	19.376.280
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	416.196.598	416.196.598
Thuế Thu nhập cá nhân	43.367.356	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	38.880.000	38.880.000
	<u>498.443.954</u>	<u>474.452.878</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	3.276.024.796	2.432.029.123
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.898.563.263	3.388.671.945
	<u>6.174.588.059</u>	<u>5.820.701.068</u>

110
ĐANG
NHẬN
KÝ
A
SẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Tại ngày 01/01/2014	22.422.821.688	4.484.214.958	5.637.209.544	397.392.008	32.941.638.198					
Mua sắm	-	311.680.000	-	-	311.680.000					
Thanh lý, nhượng bán	-	(122.000.000)	(1.288.446.544)	-	(1.410.446.544)					
Phân loại lại	105.782.065	22.732.249	-	(128.514.314)	-					
Tại ngày 31/12/2014	22.528.603.753	4.696.627.207	4.348.763.000	268.877.694	31.842.871.654					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Tại ngày 01/01/2014	7.763.839.748	2.432.738.983	3.676.309.702	372.317.101	14.245.205.534					
Trích khấu hao	1.341.436.186	512.989.145	363.601.875	44.096.996	2.262.124.202					
Thanh lý, nhượng bán	-	(23.904.877)	(1.264.541.660)	-	(1.288.446.537)					
Phân loại lại	14.921.820	182.154.244	(29.518.829)	(167.557.235)	-					
Tại ngày 31/12/2014	9.120.197.754	3.103.977.495	2.745.851.088	248.856.862	15.218.883.199					
Giá trị còn lại										
Tại ngày 01/01/2014	14.658.981.940	2.051.475.975	1.960.899.842	25.074.907	18.696.432.664					
Tại ngày 31/12/2014	13.408.405.999	1.592.649.712	1.602.911.912	20.020.832	16.623.988.455					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

7.754.140.574 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP Hồ Chí Minh với nguyên giá là 3.151.800.000 VND.

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	69.398.787.996	67.214.887.750
Công trình Kho Liên Phương tại Thanh Trì, Hà Nội	145.340.161	295.930
Công trình Kho Đoạn Xá tại Đoạn Xá, Hải Phòng	134.977.971	134.977.971
Công trình khu Tương Mai tại Hoàng Mai, Hà Nội	66.155.091.268	64.116.235.253
Công trình Khu Lũy Bán Bích tại Quận Tân Phú, HCM	2.963.378.596	2.963.378.596
	69.398.787.996	67.214.887.750

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa, vật kiến trúc tại Hà nội, Hải Phòng, Đà Nẵng được sử dụng để cho thuê có nguyên giá 63.993.967.962 VND, hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2014 là 19.609.942.481 VND, trong đó khấu hao năm 2014 là 1.801.395.319 VND.

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	29.468.895.429	30.668.895.429
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	-	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	8.500.000.000	8.500.000.000
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20.968.895.429	20.968.895.429
Đầu tư dài hạn khác	164.180.849.141	164.077.449.141
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh (1)	1.200.000.000	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (2)	162.980.849.141	164.077.449.141
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(952.225.900)	(2.870.226.233)
Vốn góp Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	(187.932.528)	(133.764.429)
Vốn góp Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	(764.293.372)	(630.612.663)
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	-	(2.105.849.141)
	192.697.518.670	191.876.118.337

(1) Phân loại lại khoản đầu tư vào công ty liên kết thành khoản mục đầu tư dài hạn khác do Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh tăng vốn góp của chủ sở hữu từ 4.000.000.000 đồng lên 22.150.000.000 đồng và TH1 không thực hiện góp vốn bổ sung dẫn đến tỷ lệ biểu quyết trên vốn góp của TH1 tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh giảm xuống còn 5.42%.

(2) Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty đang nắm giữ 12.870.000 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Hà Nội	21,66%	21,66%	Bất động sản
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Hà Nội	40,00%	40,00%	Cho thuê văn phòng

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	733.282.008.635	518.270.268.018
Vay ngân hàng	733.282.008.635	518.270.268.018
- Vay ngân hàng bằng VND	303.322.066.894	18.664.971.424
- Vay ngân hàng bằng USD	429.959.941.741	499.605.296.594
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	6.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh 17)	6.000.000.000	6.500.000.000
	<u>739.282.008.635</u>	<u>524.770.268.018</u>

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn bằng VND	303.322.066.894	18.664.971.424
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch(1)	-	14.628.787.031
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam(2)	2.702.324.560	4.036.184.393
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (3)	6.019.742.334	-
Ngân hàng TMCP Việt Á (4)	291.500.000.000	-
Vay Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I(5)	3.100.000.000	-
Vay ngắn hạn bằng USD	429.959.941.741	499.605.296.594
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch (1)	98.705.741.760	129.662.581.759
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2)	36.358.149.826	57.906.950.207
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (3)	115.309.327.691	113.088.642.235
Ngân hàng TMCP Việt Á (4)	55.891.677.679	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ	-	8.595.725.620
Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hoàng Mai (6)	23.230.695.634	131.325.109.695
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tp Hà Nội (7)	65.602.040.501	19.083.073.289
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình (8)	34.862.308.650	39.943.213.789
	<u>733.282.008.635</u>	<u>518.270.268.018</u>

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	6.000.000.000	6.500.000.000
	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.500.000.000</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2014/134855/HDTD ngày 04/10/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng tại thời điểm vay là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở LC phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn duy trì hạn mức từ 04/10/2014 đến 31/12/2014;
 - + Lãi suất cho vay: Được xác định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:
 - Thế chấp tài sản gắn liền với đất tại phường Đông Hải, quận Hải An, TP.Hải Phòng;
 - Thế chấp xe ô tô Audi A6(biển kiểm soát 29A-066.28) và xe ô tô Toyota Camry(biển kiểm soát 30H-5732);
 - Thế chấp quyền sở hữu khu dịch vụ thương mại và văn phòng cho thuê tại số 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hà Nội;
 - Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi VND và ngoại tệ tại NH và các tổ chức tín dụng khác mà bên vay là người thụ hưởng và các khoản thu hợp pháp khác của bên vay, tất cả các tài sản thuộc và sẽ thuộc quyền quản lý hoặc sở hữu của bên vay như: hàng tồn kho, tài sản cố định, quyền sở hữu đất, vốn góp, tài sản khác khi có yêu cầu của ngân hàng.
 - + Số dư nợ gốc tại 31/12/2014 là 4.617.812,48 USD (tương đương 98.705.741.760 VND).
- (2) Hợp đồng tín dụng số KHTHI140256/HM ngày 19/12/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không
 - + Thời hạn của hợp đồng: Được ghi trên từng khế ước nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: 9,5%/năm đối với khoản vay VND, 5%/năm đối với khoản vay USD;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2014 là: 2.702.324.560 VND và 1.700.568,28 USD (tương đương 36.358.149.826 VND).
- (3) Hợp đồng tín dụng số 2226.1/TB-HĐTĐ ngày 23/07/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 23/07/2014 đến ngày 23/07/2015;
 - + Lãi suất cho vay: Được áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng doanh thu chuyển về từ các hợp đồng kinh tế mà Ngân hàng tài trợ vốn/phát hành LC xuất khẩu/bảo lãnh.
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2014 là: 6.019.742.334 VND và 5.394.588,43 USD (tương đương 115.309.327.691 VND).
- (4) Hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HĐHMDN ngày 11/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng là 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cho vay chứng minh năng lực tài chính, mở L/C, bảo lãnh các loại, mục đích sử dụng tiền vay cụ thể được quy định rõ trong từng giấy nợ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 11/09/2014 đến ngày 11/9/2015;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo lãi suất thông báo của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nợ cụ thể;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9m2 đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp bên thế chấp trên 435,9m2 đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2014 là: 291.500.000.000 VND và 2.614.815,33 USD (tương đương 55.891.677.679 VND).

- (5) Hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐVT ngày 18/02/2014 và các phụ lục gia hạn thời hạn vay bổ sung, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền được vay: 5.600.000.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn), số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2014 là 3.100.000.000 đồng (Ba tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Khoản vay có thời hạn 02 tuần kể từ ngày 18/02/2014 và được gia hạn theo từng
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay là 07%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2014 là: 3.100.000.000 VND.
- (6) Hợp đồng tín dụng số 1240LAV201300309/HĐTD ngày 31/10/2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 140.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động đáp ứng kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2013 - 2014;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 17/10/2014, thời hạn vay được quy định theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay theo quy định của Agribank và Agribank chi nhánh Hoàng Mai tại từng thời điểm và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2014 là: 1.086.816,17 USD (tương đương 23.230.695.634 VND).
- (7) Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT106-XNK TH1 ngày 10/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng vay có hiệu lực từ ngày 10/9/2014 đến 31/8/2015, thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể tại từng lần nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng:
 - Quyền đòi nợ luân chuyển giá trị tối thiểu bằng giá trị GHTD mà Ngân hàng đã cấp cho Công ty (không bao gồm các quyền đòi nợ chậm luân chuyển);
 - Đối với các lô hàng nhập khẩu được tài trợ bởi Ngân hàng Công thương thì Tài sản đảm bảo là lô hàng nhập khẩu, ngay khi giao hàng cho đối tác thì tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng bán lô hàng này.
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2014 là: 3.069.101,31 USD (tương đương 65.602.040.501 VND).
- (8) Hợp đồng tín dụng số 0501/2014/HĐ/HĐTDHM ngày 08/01/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản, lương thực thực phẩm, hóa chất và hoạt động dịch vụ khác phù hợp với đăng ký kinh doanh được cấp của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và thời hạn do VIB toàn quyền quyết định
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay được tính bằng chi phí giá vốn tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất của VIB công biên độ, chịu sự điều chỉnh theo quy định lãi suất của VIB từng thời kỳ.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2014 là: 1.630.985,2 USD (tương đương 34.862.308.650 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	355.786.284	314.491.899
Thuế Thu nhập cá nhân	-	92.322.628
Các loại thuế khác	-	4.492.962
	355.786.284	411.307.489

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HÀNG KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	343.984.350	461.419.275
Bảo hiểm xã hội	13.804.684	32.289.827
Bảo hiểm y tế	11.882.627	15.494.536
Bảo hiểm thất nghiệp	17.109.154	52.550
Phải trả cổ tức cho cổ đông	7.520.753.147	1.237.087.782
Lãi trái phiếu phải trả	372.176.131	372.176.131
Phí bảo trì tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội	3.110.800.000	3.110.968.840
Phải trả Lợi nhuận từ hợp tác cho Kowa	834.994.405	-
Phải trả, phải nộp khác	102.066.099	894.570.495
	12.327.570.597	6.124.059.436

17 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	55.000.000.000	51.300.000.000
Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch(1)	55.000.000.000	51.300.000.000
	55.000.000.000	51.300.000.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 01.134855.2009/HĐTĐH ngày 20/07/2009, Phụ lục hợp đồng tín dụng dài hạn số: 03.134855.2014 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 130.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi tỷ đồng chẵn);
- + Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư cho dự án "Khu dịch vụ thương mại, văn phòng và nhà ở để bán" tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
- + Thời hạn cho vay: Kể từ 20/07/2009 đến hết ngày 19/07/2017;
- + Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam + 3% năm nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp toàn bộ khối tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của tòa nhà cao tầng tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 61.000.000.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm 2015 là 6.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2013	125.948.570.000	17.147.588.054	6.708.503.470	(981.900)	133.260.491.891	24.735.247.692	10.889.715.594	318.689.134.801									
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	7.379.875.004	7.379.875.004									7.379.875.004
Phân phối lợi nhuận	-	-	553.916.634	-	-	553.916.634	(10.318.389.386)	(9.210.556.118)									
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	(560.210.648)	(560.210.648)									
Tại ngày 31/12/2013	125.948.570.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	133.260.491.891	25.289.164.326	7.390.990.564	316.298.243.039									
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	4.123.181.606	4.123.181.606									
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	-	(6.297.408.000)	(6.297.408.000)									
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	(829.152.309)	(829.152.309)									
Tại ngày 31/12/2014	125.948.570.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	133.260.491.891	25.289.164.326	4.387.611.861	313.294.864.336									

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ - NK2/2014 ngày 17/05/2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền	
	%	VND	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013	100,00%	7.379.875.004		
Chi trả cổ tức (bằng 5 % vốn điều lệ)	85,33%	6.297.408.000		
Lợi nhuận trả cho Công ty Kowa Nhật Bản đã chia lợi nhuận từ năm 2013	7,59%	560.210.648		
Lợi nhuận chưa phân phối	7,08%	522.256.356		

(*) Khoản lợi nhuận phải trả Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 07/11/2011. Theo đó, Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) cung cấp dịch vụ gia công quản áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa. Hai bên hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực Nhà máy, đáp ứng các mục tiêu sản xuất. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên được phân bổ đều (50/50) giữa TH1 và Kowa và được chi trả trong vòng 60 ngày sau khi kết thúc kỳ kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Kinh doanh vốn Nhà nước	36,61%	46.109.770.000	36,61%	46.109.770.000
Vốn góp của Công ty CP Chứng khoán phố Wall	0,00%	-	6,43%	8.099.520.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam	18,46%	23.251.530.000	0,00%	-
Bà Đỗ Ngọc Rung	19,91%	25.080.000.000	0,00%	-
Vốn góp của cổ đông khác	25,02%	31.507.270.000	56,96%	71.739.280.000
	100%	125.948.570.000	100%	125.948.570.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125.948.570.000	125.948.570.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	125.948.570.000	125.948.570.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	125.948.570.000	125.948.570.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.297.408.000	7.556.890.600
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	6.297.408.000	7.556.890.600

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.594.857	12.594.857
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.594.857	12.594.857
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.594.857	12.594.857
Số lượng cổ phiếu được mua lại	41	41
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41	41
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.594.816	12.594.816
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.594.816	12.594.816
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	133.260.491.891	133.260.491.891
Quỹ dự phòng tài chính	25.289.164.326	25.289.164.326
	158.549.656.217	158.549.656.217

105 - C
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KIỂM TOÁN
ASC
HÀ NỘI - TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.459.269.204.310	1.714.513.253.026
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.931.951.770	23.596.632.879
Doanh thu bán bất động sản	-	48.470.623.065
	<u>1.490.201.156.080</u>	<u>1.786.580.508.970</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.421.548.205.467	1.663.230.638.017
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.177.610.121	10.129.065.504
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	45.878.196.610
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	-	367.529.170
	<u>1.432.725.815.588</u>	<u>1.719.605.429.301</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	12.833.493.135	13.045.093.527
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	985.534.000	78.636.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.772.028.000	26.607.192.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.564.675.624	5.532.460.398
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	164.885.195
Doanh thu hoạt động tài chính khác	354.454.903	-
	<u>33.510.185.662</u>	<u>45.428.267.720</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	43.178.545.837	43.655.960.895
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	428.315.000	27.921
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.174.376.687	14.963.646.535
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.387.494.985	-
Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3.494.253.054)	2.209.226.085
Chi phí tài chính khác	47.222.096	48.423.403
	<u>52.721.701.551</u>	<u>60.877.284.839</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	-	76.071.817
Chi phí nhân công	6.211.427.978	8.313.444.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.538.706.157	1.639.339.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.545.047.191	18.336.043.222
Chi phí khác bằng tiền	2.909.923.552	2.133.499.784
	22.205.104.878	30.498.399.019

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	49.912.052	140.922.317
Chi phí nhân công	7.457.467.087	6.696.148.396
Chi phí khấu hao tài sản cố định	261.146.277	267.938.027
Thuế, phí, lệ phí	244.128.299	266.334.002
Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	(3.963.852.496)	1.550.224.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.604.371.409	6.345.965.963
Chi phí khác bằng tiền	4.064.581.642	1.624.818.145
	12.717.754.270	16.892.351.077

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	293.563.635	500.913.981
Thu nhập từ xử lý nợ phải trả	683.553.738	3.736.440.918
Phạt vi phạm hợp đồng	-	530.769.700
Thu nhập khác	131.193.113	380.978.122
	1.108.310.486	5.149.102.721

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	23.992.831	497.785.146
Chi phí nộp phạt vi phạm hành chính	-	572.529.627
Chi phí khấu hao không đủ điều kiện là chi phí hợp lý, hợp lệ	106.220.000	106.220.000
Chi phí khác	195.881.504	229.731.867
	326.094.335	1.406.266.640

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.123.181.606	7.878.148.535
Các khoản điều chỉnh tăng	302.101.504	998.833.012
- Chi phí không hợp lệ	302.101.504	908.481.494
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm có gốc ngoại tệ của khoản mục Tiền gửi ngân hàng và phải thu khách hàng.</i>		80.379.405
- Lỗ do đánh giá lại số dư cuối năm	-	9.972.113
Các khoản điều chỉnh giảm	(76.640.027.073)	(69.699.794.022)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(13.772.028.000)	(26.607.192.600)
- Chuyển lỗ các năm trước	(62.815.906.599)	(43.092.601.422)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm có gốc ngoại tệ của khoản mục Tiền gửi ngân hàng và phải thu khách hàng năm 2013	(9.972.113)	
- Lãi CLTG đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm	(42.120.361)	-
Tổng thu nhập tính thuế	(72.214.743.963)	(60.822.812.475)
- Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản.	-	1.993.094.124
- Thu nhập tính thuế còn lại	(72.214.743.963)	(62.815.906.599)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	-	498.273.531
Thuế TNDN hoạt động kinh doanh chính bù trừ với tiền nộp thuế KDBĐS	-	(511.752.570)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	(13.479.039)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(416.196.598)	(359.564.642)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(43.152.917)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(416.196.598)	(416.196.598)

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	4.123.181.606	7.379.875.004
Các khoản điều chỉnh	(829.152.309)	(560.210.648)
- Lợi nhuận phải trả cho Công ty TNHH Kowa	(829.152.309)	(560.210.648)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.294.029.297	6.819.664.356
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.594.816	12.594.857
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	262	541

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.912.052	216.994.134
Chi phí nhân công	8.996.173.244	15.505.920.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.063.519.521	4.223.739.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.327.028.721	26.477.856.032
Chi phí khác bằng tiền	9.627.688.227	9.545.081.403
	50.064.321.765	55.969.591.373

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	22.326.213.955	-	64.314.277.690	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	449.753.607.257	(21.101.961.326)	177.713.027.472	(25.065.813.822)
Đầu tư ngắn hạn	14.172.998.743	(4.235.039.143)	14.369.559.743	(5.811.291.864)
Đầu tư dài hạn	164.180.849.141	(187.932.528)	164.077.449.141	(2.105.849.141)
	650.433.669.096	(25.524.932.997)	420.474.314.046	(32.982.954.827)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	794.282.008.635	576.070.268.018
Phải trả người bán, phải trả khác	29.143.776.887	21.150.419.057
Chi phí phải trả	2.941.479	-
	823.428.727.001	597.220.687.075

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.326.213.955	-	-	22.326.213.955
Phải thu khách hàng, phải thu khác	428.651.645.931	-	-	428.651.645.931
Đầu tư ngắn hạn	9.937.959.600	-	-	9.937.959.600
Đầu tư dài hạn	-	163.992.916.613	-	163.992.916.613
	460.915.819.486	163.992.916.613	-	624.908.736.099
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.314.277.690	-	-	64.314.277.690
Phải thu khách hàng, phải thu khác	152.647.213.650	-	-	152.647.213.650
Đầu tư ngắn hạn	8.558.267.879	-	-	8.558.267.879
Đầu tư dài hạn	-	161.971.600.000	-	161.971.600.000
	225.519.759.219	161.971.600.000	-	387.491.359.219



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	739.282.008.635	55.000.000.000	-	794.282.008.635
Phải trả người bán, phải trả khác	29.143.776.887	-	-	29.143.776.887
Chi phí phải trả	2.941.479	-	-	2.941.479
	<u>768.428.727.001</u>	<u>55.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>823.428.727.001</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	524.770.268.018	51.320.000.000	-	576.090.268.018
Phải trả người bán, phải trả khác	21.110.419.057	20.000.000	-	21.130.419.057
	<u>545.880.687.075</u>	<u>51.340.000.000</u>	<u>-</u>	<u>597.220.687.075</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và lĩnh vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
		VND	VND
Góp vốn hợp tác đầu tư			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC)	Cổ đông lớn	282.000.000.000	-
Lãi hợp đồng hợp tác trong năm			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC)	Cổ đông lớn	7.117.987.152	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
		VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC)	Cổ đông lớn	3.117.987.152	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.682.722.602	1.726.896.815

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Đinh Duy Kỳ Vũ
Người lập**Lê Xuân Chất**
Kế toán trưởng**Phạm Minh Sơn**
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2015